

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Út

2. Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại hội trường xử án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Chí K, sinh năm: 1975.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Khu phố D, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông K, bà L đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 và quá trình tố tụng, Nguyên đơn ông Phạm Chí K trình bày:

Vợ chồng ông kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Từ khi mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung; thời gian xa nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Phạm Chí K1**, sinh năm 2000; **Phạm Thùy D**, sinh ngày 14/3/2007. Hiện con **Chí K1** đã trưởng thành, lao động tự túc được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con **Thùy D** dưới 18 tuổi, đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Thùy Dung; ông không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng bà kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Từ khi mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung. Thời gian xa nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Chí K**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Phạm Chí K1**, sinh năm 2000; **Phạm Thùy D**, sinh ngày 14/3/2007. Hiện con **Chí K1** đã trưởng thành, lao động tự túc được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con **Thùy D** dưới 18 tuổi, đang sống cùng ông **K**. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con Thùy Dung cho ông **K** trực tiếp nuôi dưỡng; bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên **Phạm Thùy D**, sinh ngày 14/3/2007. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, Bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **Khu phố D, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông **Phạm Chí K**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông **Phạm Chí K** và bà **Nguyễn Thị L** được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2000, quyền số 01 ngày 06 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **N**, tỉnh **Ninh Thuận**. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Ông **Phạm Chí K** yêu cầu xin ly hôn bà **Nguyễn Thị L**. Nhận thấy, hiện vợ chồng ông, bà đã ly thân một thời gian dài, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Bà **L** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn. Chứng tỏ hôn nhân của ông **K**, bà **L** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn.

[2.3] Về giao người trực tiếp nuôi con:

Ông **Phạm Chí K** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Phạm Thùy D**.

Xét thấy cháu **Phạm Thùy D**, sinh ngày 14/3/2007 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với ông **K**. Hiện cháu đang sống cùng ông **K**, được chăm sóc tốt, đảm bảo về sức khỏe cũng như việc học tập. Bà **L** cũng đồng ý giao con **Thùy D** cho ông **K** trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Ông **Phạm Chí K** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà **Nguyễn Thị L** không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông **Phạm Chí K**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Chí K** được ly hôn bà **Nguyễn Thị L**.

2. Về giao người trực tiếp nuôi con: Ông **Phạm Chí K** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Phạm Thùy D**, sinh ngày 14/3/2007.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung, không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Ông **Phạm Chí K** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002679 ngày

13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T. Ông **Phạm Chí K** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- UBND xã An Hải, Ninh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

